

Số: 8951 /QĐ-ĐHNL-KHTC

Tp. HCM, ngày 30 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành khung học phí Sau đại học năm học 2021-2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10/10/2003 của Thủ tướng, Chính phủ về việc thay đổi tổ chức của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tách trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ quyết định số 3740/QĐ-ĐHNL-SDH ngày 22/12/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Tiến sĩ;

Căn cứ quyết định số 3742/QĐ-ĐHNL-SDH ngày 22/12/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Thạc sĩ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành khung học phí Sau đại học năm học 2021-2022 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Các Ông, Bà Trưởng, Phó các đơn vị, học viên, nghiên cứu sinh Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ năm học 2021-2022. /.

Nơi nhận:

- HĐT, BGH (báo cáo);
- Như điều 2: để thực hiện;
- Lưu: HC, KHTC, SDH



PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng

PHỤ LỤC 1

KHUNG HỌC PHÍ SAU ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2021-2022

(Ban hành theo Quyết định số: **1951** QĐ-ĐHNL-KHTC ngày **30** tháng **12** năm 2021)

1 Học phí cao học:

ĐVT: đồng/tín chỉ

Niên khóa	Nhóm ngành 1	Nhóm ngành 2
Khóa 2021	490.000	585.000

2 Học phí nghiên cứu sinh:

ĐVT: đồng/năm học

Năm học	Nhóm ngành 1	Nhóm ngành 2
Năm học 2021-2022	24.500.000	29.250.000

Lưu ý: - Từ khóa 2020 trở về trước áp dụng chương trình đào tạo tín chỉ bình quân tính học phí là 45 tín chỉ.

- Từ khóa 2021 trở về sau áp dụng chương trình đào tạo tín chỉ bình quân tính học phí là 60 tín chỉ.

- Khi chương trình đào tạo thay đổi thì đơn giá tín chỉ sẽ thay đổi nhưng tổng thu học phí/học viên/2 năm không đổi theo Nghị định 81 của Chính phủ.

- Sau 2 năm, học viên chưa hoàn thành chương trình học và bảo vệ luận văn tốt nghiệp, phải đóng học phí 15 TC/học kỳ.

- Nghiên cứu sinh quá hạn sẽ tự túc hoàn toàn kinh phí theo Quy định của trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh.



PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÁC NHÓM NGÀNH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2021-2022

Stt	Tên khoa	Mã ngành bậc Thạc sĩ	Khối ngành	Tên chuyên ngành đào tạo bậc Thạc sĩ	Mã ngành bậc Tiến sĩ	Tên chuyên ngành đào tạo bậc Tiến sĩ	Học phí nhóm ngành
1	Cơ khí công nghệ	8520103	V	Kỹ thuật cơ khí	9520103	Kỹ thuật cơ khí	2
2	Chăn nuôi Thú Y	8620105 8640101	V V	Chăn nuôi Thú y	9620105 9640102	Chăn nuôi Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2 2
3	Kinh tế	8620115 8340410	V VII	Kinh tế nông nghiệp Quản lý kinh tế	9620115	Kinh tế nông nghiệp	2 1
4	Lâm nghiệp	8620201 8549001	V V	Lâm học Công nghệ chế biến lâm sản	9620205 9549001	Lâm sinh Kỹ thuật chế biến lâm sản	2 2
5	Môi trường và Tài nguyên	8520320 8850101	V VII	Kỹ thuật môi trường Quản lý tài nguyên và môi trường			2 1
6	Nông học	8620110 8620112	V V	Khoa học cây trồng Bảo vệ thực vật	9620110 9620112	Khoa học cây trồng Bảo vệ thực vật	2 2
7	Khoa học sinh học	8420201	IV	Công nghệ sinh học	9420201	Công nghệ sinh học	2
8	Quản lý đất đai và BĐS	8850103	VII	Quản lý đất đai			1
9	Công nghệ Hóa học&TP	8520301 8540101	V V	Kỹ thuật hóa học Công nghệ thực phẩm	9540101	Công nghệ thực phẩm	2 2
10	Thủy sản	8620301	V	Nuôi trồng thủy sản	9620301	Nuôi trồng thủy sản	2



PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng

BẢNG TÍNH TOÁN MỨC HỌC PHÍ SAU ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2021-2022

- Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;
- Căn cứ quyết định số 3740/QĐ-ĐHNL-SDH ngày 22/12/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Tiến sĩ;
- Căn cứ quyết định số 3742/QĐ-ĐHNL-SDH ngày 22/12/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo Thạc sĩ;

Niên khóa	Hệ đào tạo	Nội dung	Mức thu học phí 1HV/1 tháng	Số tháng	Hệ số	Học phí/năm học	Số năm học	Tổng học phí toàn khoá dự kiến	Tổng số tín chỉ trung bình toàn khóa	Học phí tín chỉ	Căn cứ quy định
Khóa 2021	Thạc sĩ	Nhóm ngành 1	980,000	10	1.50	14,700,000	2	29,400,000	60	490,000	Tại mục 1, điều 11, NĐ 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		Nhóm ngành 2	1,170,000	10	1.50	17,550,000	2	35,100,000	60	585,000	
	Tiến sĩ	Nhóm ngành 1	980,000	10	2.50	24,500,000					Tại mục 1, điều 11, NĐ 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		Nhóm ngành 2	1,170,000	10	2.50	29,250,000					



Phòng Kế hoạch - Tài chính

Phòng ĐT Sau đại học

Người lập biểu

Bùi Thị Cẩm Phương

PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng

ThS. Nguyễn Văn Minh

PGS.TS. Lê Anh Đức

Bùi Thị Cẩm Phương